

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 381

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Lý Hương

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 21.04.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 469, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

“Phục vô trụ trú gia thất, diệt phi định ngôn vô hữu xá trạch dã. Như Phạm thọ dụng cụ túc trước kia nói: “sở cư xá trạch cực tận nghiêm lệ hoặc tại hư không hoặc tại bình địa túc đẳng phi định vô xá trạch dã”.

Chữ nghĩa ở đây, chúng ta phải đọc cẩn trọng. Đoạn kinh văn này nói về sự thanh tịnh bình đẳng của thế giới Cực Lạc. Đoạn thứ nhất nói về bình đẳng của cảnh giới, cảnh bình đẳng.

“Phục vô” ở trước nói về hoàn cảnh lớn của thế giới Cực Lạc. Đây là thế giới quang minh sáng sủa. Thế giới này vĩnh viễn không có hiện tượng tối tăm hôn ám. Nó không cần mặt trời, mặt trăng, cũng không cần ánh lửa, cũng không có ngày đêm, chẳng có năm tháng ngày. Ở thế giới Cực Lạc không hề có tất cả những hiện tượng này. Trước đây chúng ta đọc chú giải của Hoàng Niệm lão, trong đó đã giảng rất rõ. Thế gian của chúng ta, do nguyên nhân nào mà có những hiện tượng này? Do vì trái đất, mặt trời, mặt trăng chính là thái dương hệ, hệ ngân hà. Những vận động khác biệt của chúng khiến ta sinh ngộ nhận. Thế giới Tây Phương không có những hiện tượng này. Chỉ có Tinh Cầu. Vì luồng ánh sáng Phật quá lớn, nhất là đỉnh đầu Phật phóng quang. Thực tế thì đức Phật phóng quang khắp toàn thân không chỉ ở đỉnh đầu. Đỉnh đầu chỉ là ví dụ. Luồng ánh sáng Phật chiếu rọi khắp pháp giới. Quý vị sẽ biết luồng sáng của Phật lớn cỡ nào. Ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có phạm vi chiếu rọi chẳng lớn, những ngôi sao ta nhìn thấy ban đêm, sao trên trời đều là mặt trời, tự nó phát sáng. Nếu không tự phát sáng, quý vị sẽ chẳng thấy nó. Chúng đều tự phát sáng, và rất nhiều ngôi sao lớn hơn mặt trời cả ngàn lần, thậm chí hơn mười ngàn lần. Vì chúng ở xa ta quá nên ta chỉ thấy chút ánh sáng le lói, không thể so với luồng Phật quang. Ánh sáng Phật chiếu rọi khắp, nhưng hiện giờ nhãn căn của ta bị chướng ngại, không trông thấy thôi. Thật đấy, ta biết giữa các vũ trụ có rất nhiều ánh sáng, mắt ta chỉ thấy một phần trong số đó. Nếu sóng quang dài hơn nơi đây

ta sẽ không trông thấy. Sóng quang ngắn hơn ta cũng không thấy. Sóng Phật quang không có dài ngắn, không xa gần hay bị giới hạn, nên ánh sáng mặt trăng mặt trời ở thế giới Cực Lạc y như ta nhìn ánh sáng của sao. Đây là khung cảnh lớn. Thu nhỏ lại nói cũng không có “trụ trước”, hai từ này phải đọc liền. Trụ là trụ tướng, trước là trước tướng. Trụ trước đều có nghĩa là trước tướng. Người ở đó không trước tướng vào nhà cửa. Điều này thì đúng rồi, không phải không có nhà cửa, không thể nói “phục vô trụ trước gia thất”. Trụ trước đọc liền, họ không trụ trước vào gia thất. Chỗ này Niệm lão giải thích rất hay. Không phải nhất định nói người đó không có nhà cửa, người đó không có cung điện, không có lầu đài. Đoạn trước đã bảo rồi. Có, không phải chẳng có. Thế sao chỗ này lại nói là không? Không trụ trước, không có hai từ này. Nhà cửa thì có, nhưng người đó không chấp trước, cho nên người đó mới thanh tịnh, chấp trước thì sẽ không thể thanh tịnh. Quan trọng nhất ở đoạn này là nói về thanh tịnh.

Trong phẩm “thọ dụng cụ túc” phía trước nói rất rõ. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc sống trong nhà cửa phòng ốc cực kỳ trang nghiêm tráng lệ. Nơi họ cư ngụ hết sức đẹp, cực kỳ đẹp, đẹp đến mức ta không thể nào tưởng tượng nổi. Kể có phước báo lớn nhất ở thế gian là vua chúa. Cung điện của đế vương, khi đến Bắc Kinh tham quan Cố cung ta sẽ được thấy. Vẻ huy hoàng của Cố cung giờ không còn. Vì sao thế? Giờ không còn hoàng đế. Vua chẳng còn ngự ở đó nên giữ gìn thế nào cũng khác xa trước kia. Hiện cung điện cũ đi nhiều. Nhiều chỗ không được tu bổ, những vẻ huy hoàng rực rỡ nay không còn được thấy.

Ở cõi Cực Lạc nhà có khi trên không, có cái trên đất bằng, không phải do ý người đó muốn thế. Nếu bảo tôi muốn sống trên không, tôi muốn sống trên mặt đất thì quý vị còn có ý, phiền não của quý vị vẫn chưa dứt bật. Nên nhớ người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc còn tập khí phiền não nhưng không hề phiền não. Có nghĩa có tập khí phân biệt chấp trước, còn một chút, không nghiêm trọng. Trên thực tế được oai thần của bản nguyện Phật A Di Đà gia trì, đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Bồ Tát A Duy Việt Trí đâu còn phân biệt chấp trước? Chỉ có tập khí vô thủy vô minh chưa dứt đoạn. Thực tế mà nói tập khí phân biệt chấp trước đã đoạn rồi, không thể nào có ý. Vậy thì sống trên không trung hay dưới mặt đất? Đây là một tập quán, một thói quen. Thói quen là sao? Tỉ như ta sống trên mặt đất thì khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhà cửa của ta nhất định nằm trên đất. Tứ thiên vương, Đạo Lợi thiên niệm Phật vãng sanh cũng có nhà trên mặt đất. Đó là thói quen ngụ trên mặt đất. Còn ở cõi Dạ ma thiên trở lên khi vãng sanh, thì do đã quen sống trên không, họ không ngụ dưới đất, cho nên lúc đó, cung điện của họ vẫn ở giữa hư không, thói quen này hết sức tự nhiên, không có ai sắp xếp, chẳng có ai tưởng tượng ra. Hoàn toàn là hiện tượng

tự nhiên. Việc này ta không thể không biết. Ở đây nói rõ họ có hoàn cảnh cư ngụ và nơi đó hết sức tráng lệ, cực kỳ đẹp đẽ.

“*Kim ngôn vô giả*”. Đoạn kinh văn này nói không. Tôi cũng vừa nói rất rõ ý này “Vô” nghĩa là không chấp trước. Không trước tướng “bất trước gia thất chi tướng” “*Cực lạc hội chúng*”. Hội chúng chính là cư dân. Thế giới Cực Lạc là một đại hội, một pháp hội. Phật A Di Đà cùng 10 pháp giới, vô lượng vô biên vô tận chúng sanh hữu duyên trong quốc độ của chư Phật. Thế nào là chúng sanh hữu duyên? Tất cả chư Phật không ai không giảng kinh Vô lượng Thọ, không ai chẳng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu nghe mà tin, nguyện vãng sanh về thế giới tây phương nghĩa là có duyên với đức Phật A Di Đà. Đây gọi là chúng sanh hữu duyên. Kẻ thì sư phụ ngày ngày khuyên nhủ, đệ tử vẫn chấp tình rất nặng, không chịu vãng sanh. Tôi đã gặp pháp sư học Thiên Thai. Thầy mời tôi giảng kinh A Di Đà. Rốt cuộc thầy thế nào? Thầy ấy không chịu đến thế giới Cực Lạc. Thầy niệm Phật mỗi ngày, niệm Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng niệm A Di Đà Phật. Không muốn đến thế giới Cực Lạc. Vậy nghĩa là sao? Nghĩa là không có duyên với Phật. Nghe thì có nghe, nhưng không muốn đến. Cũng chẳng phải không tin, chỉ là không muốn vãng sanh. Đức Thích Ca Mâu Ni là ân sư của chúng ta. Thầy nguyện vĩnh viễn theo Phật Thích Ca. Quả có người như thế, tu hành lâu năm đấy, chúng ta hiểu rồi sẽ không thấy lạ nữa.

Đại chúng ở thế giới Cực Lạc, “sở văn giai thị vô ngã chi thanh”. Chúng ta đã đọc qua ở đoạn kinh trên. Nghe Đức Phật thuyết pháp, chim nói pháp, nghe nước chảy nói pháp, nghe gió thổi lá rì rào nói pháp, toàn là tiếng vô thường, vô ngã, khổ không. Đây là giảng pháp tứ đế, luôn nhắc nhở mọi người thâm nhập khổ tập diệt đạo, rõ chân tướng của tất cả pháp thế xuất thế gian.

“Văn tức tương ưng, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt”, 12 chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe Phật thuyết pháp. Nghe rồi thì sao? Không tương ưng. Tâm chẳng thanh tịnh, vẫn còn phân biệt, còn chấp trước. Cũng có nghĩa là nghe mà không hiểu. Rất khó để nghe hiểu Phật pháp. Hiểu rồi quý vị sẽ chứng quả, quý vị được khai ngộ. Vì sao không hiểu? Việc này chúng tôi cũng bàn luận rất nhiều. Nghĩ đến chuyện đó chắc chắn ta sẽ nhớ lời giáo huấn của đại sư Ấn Quang, ngài dạy rằng: “một phần thành kính được một phần lợi ích, 10 phần thành kính sẽ được 10 phần lợi ích, 1000 phần thành kính sẽ được 1000 phần lợi ích, vạn phần thành kính, được vạn phần lợi ích.” Giờ chúng ta không có tâm thành kính nên chẳng được một phần lợi ích nào. Thành kính là chân tâm, là tự tánh. Chúng ta làm cách nào để nuôi dưỡng tâm thành kính của ta? Trong xã hội hiện nay thì việc đó quá khó. Vì sao vậy? Vì không ai dạy. Chẳng những quý vị

chưa từng thấy, cũng chẳng được nghe qua. Từ điểm này tự nhiên chúng ta sẽ nhớ đến lời dạy năm xưa của Đức Thế Tôn. Sau khi Phật diệt độ, những đệ tử của ngài đi khắp nơi hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Có những nơi sau một hai trăm năm là không còn Phật pháp. Có những nơi sau ba, bốn, sáu bảy trăm năm Phật pháp cũng chẳng còn. Chỉ ở Trung Quốc, nhánh Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã gần 2000 năm vẫn tồn tại. Nguyên nhân vì sao? Vì người Trung Quốc có tâm thành kính. Người Trung Quốc lơ là với tâm thành kính, cũng khoảng hơn 100 năm nay, cho nên Phật pháp biến mất.

Trung Quốc xa xưa, ngàn vạn năm rồi trẻ con chưa ra đời, thì đã được mẹ dạy từ trong bào thai, gọi là thai giáo. Bà mẹ dạy gì? Dạy con thành kính. Tâm của mẹ chân thành, cung kính với tất cả người và vật, thì sự thành kính đó tác động đến thai nhi. Đến khi đưa bé ra đời, mắt hé mở nhìn thấy, tai động lên nghe thấy, cha mẹ trước mặt bé bày tỏ lòng thành kính của mình. Bày tỏ những gì? Đệ tử quy, là một tập đại thành dạy đạo nhà. Từ đầu đến cuối, 1080 chữ trong Đệ tử quy toàn là dạy thành kính, chân thành cung kính. Ngạn ngữ có câu: “ba tuổi biết 80, 7 tuổi định chung thân”. Ba tuổi nghĩa là bé đã học thành kính được 1000 ngày. Từ lúc sinh ra đến 3 tuổi là một 1000 ngày, cha mẹ ngày nào cũng thể hiện cho bé xem. Bé đã nắm được thì đến năm 80 cũng sẽ không thay đổi. Luôn cung kính với cha mẹ, luôn cung kính với người trên, luôn cung kính với anh chị em, luôn cung kính với tất cả mọi người. Thậm chí cung kính e dè cả với cỏ cây hoa lá, với tự nhiên. Mẹ đã dạy bé như thế. Quý vị không dạy con từ bé, đến khi bé 4, 5, 6, 7 tuổi quý vị mới dạy thì không còn kịp nữa, trễ rồi. Đã quá kì hạn để cho cách giáo dục này mọc rễ trong lòng bé. Người Trung Quốc xưa hiểu nguyên lý này. Cho nên mấy ngàn năm qua xã hội Trung Quốc ổn định lâu dài, khác với thế giới phương tây. Phương tây luôn động loạn. Cục diện xã hội Trung Quốc thì ổn định. Mỗi khi triều đại thay nhau, ít nhất cũng được ổn định từ 100 đến 150 năm. Điều này khiến cho những người nước ngoài khi học lịch sử Trung Quốc đều hết sức kinh ngạc, hết sức khâm phục. Cho nên tôi thường nói người Trung Quốc biết giáo dục con nhất. Họ có lý thuyết giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm, có hiệu quả giáo dục. Chúng ta đã lơ là truyền thống này rồi, thường thì cũng không quá 200 năm. Chính Từ Hi Thái Hậu đã lơ là, bà ấy rõ ràng đã quên mất hai chữ thành kính. Bao đời đế vương trước mặt Tam Bảo đều xưng là đệ tử. Chỉ mỗi mình Thái Hậu xưng là Lão Phật Gia. Nói cách khác bà ta ở trên cả Phật và Bồ Tát. Việc này hiện nay xem như đại bất kính. Sao bà ta có thể làm thế? Trên làm dưới noi theo. Dần dần tâm cung kính đối với Phật, với pháp suy đi. Khi nhà Thanh chấm dứt đến thời kì Dân Quốc lên, thì không chỉ chẳng thấy thái độ cung kính này, cả danh từ cũng không còn được nghe. Hiện nay chẳng còn nghe được từ thành kính. Có ai nói

đến? Cho nên xã hội loạn lạc, trái đất đầy thiên tai, vấn đề nảy sinh liên tục. Chính Từ Hi Thái Hậu đã gây ra mối họa này, chẳng còn chối vào đâu được. Nhưng chúng ta phải hiểu nếu không thể khôi phục cách thai giáo của thánh hiền ở Trung Quốc xưa, thì xã hội này liệu có còn sinh ra những bậc thánh hiền quân tử chẳng? Phục hồi thai giáo được không? Được, chẳng phải không được. Những bà mẹ trẻ ai chẳng yêu con? Yêu con nhưng không biết cách dạy con. Nếu nhà nước có chính sách giáo dục người phụ nữ mang thai, dạy bà mẹ cách thai giáo, cách dạy trẻ sơ sinh, cách tạo gốc rễ thánh hiền sâu dày nơi trẻ suốt ba năm đầu tiên, thì bà mẹ có thích không? Nhất định là phải thích. Chỉ cần dạy bà mẹ như thế này 3 tháng là đủ. Chỉ cần học 3 tháng bà mẹ sẽ nắm hoàn toàn. Khởi tâm động niệm của bà mẹ sẽ thuần khiết chân chánh. Trong 10 tháng mang thai, bà mẹ không hề có ý nghĩa xấu. Ngôn ngữ hành động cử chỉ luôn đoan trang, sẽ tác động đến thai nhi. Người đời xưa hiểu điều này, dù là kẻ ở quê không biết chữ cũng hiểu. Vì tổ tiên đời đời truyền dạy như thế nên họ hiểu.

Cho nên quý vị xem trong điển tịch của Trung Quốc, bao triều đại trong Tứ Khố Toàn Thư, tuy thời thế loạn lạc nhưng luôn có thánh hiền, chánh nhân quân tử. Những vị này do được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng do được chỉ dạy mà thành.

“Vấn Tức Tương Ứng” câu này hết sức quan trọng. Tương ứng là tâm thanh tịnh thì không còn phân biệt. *Đã không còn ta thì đâu có nhà cửa của ta?* Có ta hay không? Sao ta lại không có, đương nhiên là có. Có, sao lại bảo là không ta? Do không còn chấp trước. Tôi vẫn còn thân này, đâu phải không có thân, nhưng tôi không chấp trước thân này là tôi, cũng có nghĩa là tôi không còn suy nghĩ ích kỷ, tự tư tự lợi, đây chính là vô ngã. Khởi tâm động niệm đều nghĩ cho người khác, nghĩ cho xã hội, nghĩ cho đất nước, nghĩ cho toàn thế giới, chứ không nghĩ cho chính mình, như thế gọi là vô ngã. Không chấp trước vào thân thì sao còn có thể chấp trước vào nhà cửa nơi tấm thân này cư ngụ? Đương nhiên là sẽ không chấp trước nữa. Và không chấp trước thì những nhà cửa này từ đâu ra? Ở đây chúng ta phải thiết kế, phải thi công mới có nhà. Ở thế giới tây phương Cực Lạc thì không cần. Nếu ta như người ở tây phương, thì thật không còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, những nhà cửa chúng ta trú ngụ sẽ cực kỳ xa hoa tráng lệ như trong kinh nói. Chẳng cần phải thiết kế, thi công gì cả. Cứ tự nhiên mà hiện ra. Đây là sao? Là do tánh đức. Tánh đức từ trong tự tánh lưu xuất ra. Có thật không hề giả tạo. Phải biết thế giới Cực Lạc chẳng khác biệt với thế giới chúng ta mình và người chẳng phải hai. Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì chúng ta chẳng khác gì với Đức Phật A Di Đà. Vậy thì nơi ở của chúng ta đương nhiên chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Đây là

đạo lý nhất định rồi! Sao lại có thể sai biệt được? Người ở thế giới Cực Lạc nếu có phân biệt, chấp trước vậy thì sẽ y như ta. Chúng ta mà không còn phân biệt chấp trước thì sẽ giống họ. Cho nên quý vị nghĩ xem, chấp trước tốt hay không chấp trước tốt? Phân biệt hơn hay chẳng phân biệt hơn? Quý vị để tâm tư duy quan sát, thì quý vị sẽ hiểu.

Những câu dưới này nói rất rõ. “Cố ư sở cư xá trạch”, nhà cửa cư ngụ, “vô hữu chấp trước, cố vân phục vô chấp trước gia thất dã. Phục nhân nhân giai vô ngã”, người đó không chấp vào tướng ngã, nên tất cả đều không cần tên gọi. Chúng ta thì phải có tên. Quý vị ở đâu phải có tên đường, phải có số nhà bao nhiêu, số mấy là nhà của quý vị. Vậy tất cả không chấp trước, ngay cả ta cũng không còn, cho nên tất cả danh hiệu đều không còn. Tất cả danh hiệu không còn nữa, vậy thì làm sao nhận ra được ông Trương, ông Lý? Có nhầm lẫn không? Không hề. Chắc chắn không nhầm lẫn. Ví dụ như các cơ quan bộ phận trên thân ta. Mắt chẳng phải tai, tai đâu phải mũi. Không chấp trước tất cả rồi thì mắt vẫn là mắt, mắt chẳng biến thành tai, tai cũng chẳng là mũi. Nên tuyệt đối không làm được. Người ở thế giới Cực Lạc có thân và mặt mũi giống nhau hoàn toàn. Thể chất tương đồng, tướng mạo hoàn toàn tương đồng. Đều là thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đến nơi đó, đồng như thế, ai là Phật A Di Đà, ai là Quan Âm Bồ Tát. Quý vị có thể nhận ra không? Giống nhau cả. Nhận ra được chứ, chẳng hề có chút khác biệt nào. Não người tài giỏi hơn máy tính nhiều. Máy tính có lúc còn hư hỏng, đến khi đó công năng của óc quý vị thì sẽ được phát triển hoàn toàn. Giới khoa học thường nói hiện chúng ta chỉ sử dụng 1,2% công năng của bộ óc. 90 mấy % không dùng đến. Khi quý vị đến Cực Lạc thì công năng của bộ óc sẽ được khai thác hết. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông thì sao mà nhầm lẫn được!

“Thượng”, ở trên thể hiện hoàn cảnh cư ngụ không hề phân biệt, và *cảnh quan kỳ diệu này từ trí tâm li thủ xả phân biệt mà ra*. Câu nói này rất hay. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Nhất là với những người tu pháp môn Tịnh độ. Nhất định quý vị phải biết mình đang tu gì. Quý vị đang tu tâm thanh tịnh chứ không phải thứ khác. Vậy ta dùng cách gì để tu? Hiện đại đa số dùng cách trì danh niệm Phật. Có thật trì danh niệm Phật sẽ được tâm thanh tịnh chẳng? Nếu niệm nhiều năm mà tâm thanh tịnh vẫn chưa thấy, thì chúng ta phải suy nghĩ. Nếu niệm Phật mà không thấy hiệu quả, thì chắc chắn đã có vấn đề. Chẳng phải vấn đề của kinh điển, tuyệt đối không phải do cách chú giải của các bậc cao tăng. Vấn đề ở ngay chính chúng ta. Chúng ta đã làm méo mó nghĩa của kinh văn và chú giải của chư vị tổ sư, cho nên mới không hiệu quả. Nếu thật chánh tri chánh kiến, sao có thể không có tâm thanh tịnh? Quý vị có được tâm thanh tịnh thật sự, thì

chắc chắn trí huệ của quý vị tăng trưởng, phiền não sẽ nhẹ đi, pháp hỉ sẽ sung mãn, quý vị sanh tâm hoan hỉ. Lúc đó mới biết Phật pháp rất chân thật, không hề giả tạo. Nhưng phần lớn đều không có hiệu quả rõ rệt.

Mấy bữa nay, thầy giáo Hồ Tiểu Lâm ở Bắc Kinh đến đây thăm tôi. Thầy nói với tôi 4 tháng nay thầy niệm Phật. Do trước kia công phu niệm Phật của thầy không đặc lực, nên niệm hết sức vất vả. Thầy xem Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao xong, thì cảm nhận thật sự về 10 cách niệm mà Ấn Quang đại sư hướng dẫn. Thầy học hỏi và thực tập nghiêm túc 4 tháng, và hiệu quả rất tuyệt vời. Tôi mời thầy báo cáo trong học hội của chúng ta, để chia sẻ với mọi người, vì chuyện đó vô cùng quan trọng. Lời của Ấn Quang đại sư chắc chúng ta đều biết, nhưng không chịu thực hiện. Phải dùng tâm tính đếm. Câu niệm Phật phải từ trong tâm sinh ra, từ miệng niệm ra, để tai nghe được, tất cả phải hết sức rõ ràng. Tâm sinh ra rõ ràng, miệng niệm rõ ràng, tai nghe rõ. Lại cộng thêm tính số từ 1 đến 10. Lúc mới bắt đầu tốt nhất niệm chậm, chớ có nhanh, vì nhanh sẽ không nhớ kịp. Dùng chuỗi niệm thì sẽ phân tâm, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Cứ từng câu từng câu như thế. Câu nào cũng rõ ràng, và nhắm số trong đầu, câu này là câu Phật hiệu thứ mấy. Từ 1 đếm đến 10, nhưng từ 1 đến 10 không dễ, quý vị sẽ quên, mà quên thì tính lại từ đầu. Thật chẳng có cách nào, thì đại sư dạy ta chia làm hai đoạn: từ 1 đến 5 nhớ thật kỹ, kể đó nhớ thật kỹ từ 6 đến 10. Dùng cách này không phải 1, 2, 3, 4, 5 rồi 1, 2, 3, 4, 5, vẫn đủ 10 câu. Trước 5 câu 1, 2, 3, 4, 5 sau 5 câu 6, 7, 8, 9, 10. Quý vị phải tính như vậy đó. Niệm xong 10 câu lại đến câu thứ 1, câu thứ 2, câu thứ 3 như thế. Rất nhiếp tâm. Vì khi niệm Phật tạp niệm quá nhiều, vọng niệm lung tung. Dùng cách này thì có thể nhiếp vọng niệm lại. Chính là “Đô nhiếp lục căn” mà Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Phương pháp này có 3 cái rõ rệt. “A Di Đà Phật” từ này rõ. Nghe rõ thì niệm rõ. Nghe rõ thì đếm rõ. Hễ có khó khăn thì quý vị cứ dùng cách tính 3, 3, 4. Đoạn thứ nhất 3 câu 1, 2, 3. Đoạn thứ nhì 3 câu 4, 5, 6. Đoạn thứ ba 4 câu 7, 8, 9, 10. Quý vị dùng phương pháp này gọi là “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, do Đại Thế Chí Bồ Tát dạy. Quý vị cứ thử xem.

Khi Hồ Tiểu Lâm báo cáo thì Hồ Cư Sĩ đứng ở bên nắm bắt được. Cô đã thử trong mấy ngày và báo với tôi là rất hiệu quả. Quả thực không như nhau, tâm hoan hỉ sinh ra rồi. Đương nhiên nhân tố quan trọng nhất, phương pháp chỉ là trợ duyên, nhân tố quan trọng nhất là quý vị buông xả được, buông bỏ thật sự. Đó mới là nhân chân thật, khi buông xả sẽ được tự tại, được vui vẻ y như người ở thế giới Cực Lạc vậy! Người ở đó có gì khác với chúng ta? Chính là họ đã buông xả được. Chúng ta thì chẳng chịu buông bỏ gì cả. Quả thật hễ buông xả hết thì chẳng khác biệt gì so với người ở Cực Lạc. Họ cực vui chúng ta cũng cực

vui. Quan trọng là buông bỏ. Buông bỏ nhất định phải nhìn thấu, biết thế giới này đều là giả tạm, chẳng có gì là thật, thì quý vị mới buông hết được. Không buông xả được chính là do quý vị thấy là thật, đã sai lầm.

Cho nên giới khoa học hiện nay rõ là thông minh hơn chúng ta, họ biết chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Tuy cái biết không thuần chánh, không đến được cảnh giới của Phật và Bồ Tát, nhưng họ đã tiếp cận được. Nhất là khoảng 30 năm gần đây, các nhà vật lý học dù là vật lý không gian, hay lượng tử lực học, thế giới vi mô đều có những thành tựu hết sức khả quan. Họ đã có những báo cáo cho ta biết, trong vũ trụ căn bản chẳng tồn tại cái gọi là vật chất. Đây là lời của Phổ Lãng Khắc, nhà vật lý người Đức. Ông vốn là thầy của Einstein. Cả đời nghiên cứu về phân tử, về hạt cơ bản, cuối cùng phát hiện ra lượng tử. Ông bảo trong vũ trụ chỉ có ba thứ mà tất cả đều phải công nhận. 1 là hiện tượng vật chất, hai là hiện tượng tinh thần, ba là hiện tượng tự nhiên. Vì sao ông lại cho hiện tượng vật chất là giả? Nền tảng của vật chất là ý niệm, vì có ý nghĩ mới sinh ra hiện tượng vật chất. Nếu không có ý nghĩ thì hiện tượng vật chất cũng không còn. Vậy thì vật chất tồn tại nói cách khác là do suy nghĩ của quý vị không hề dứt đoạn. Điều này hoàn toàn tương đồng với lời Phật giảng trong kinh điển Đại Thừa. Ta đã học 2 lần Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán do Hiền Thủ quốc sư trước tác. Nếu theo văn phong hiện nay thì là luận văn, bài luận văn này không dài, đã nêu được chân tướng của vũ trụ. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể là tự tánh. Hiện nay khoa học và triết học chưa phát hiện ra tự tánh. Nếu phát hiện được tự tánh thì sẽ hoàn toàn tương đồng với Phật pháp. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là gì? Chính là “năng sinh vạn pháp” mà Huệ Năng đại sư nói đến. Nhị dụng, thứ nhất là vũ trụ, thứ 2 là chính mình. Chính là xuất hiện chánh báo cùng y báo. Dù là chánh báo hay y báo thì đều động cả. Cho nên hiện khoa học cũng nói vũ trụ là hiện tượng dao động. Định luật dây cung là hiện tượng dao động. Nó bất động thì vũ trụ không còn, cho nên nó là tương động. Chấn động vi tế hơn thì tốc độ của nó không thể tính được, không gì có thể so sánh với nó.

Ba hiện tượng của nó, thứ nhất là “chu biến pháp giới”, dù vật chất, dù tinh thần thì mỗi dao động cũng đều chu biến pháp giới. Hiện tượng thứ 2 “xuất sanh vô tận”. Xuất sinh là nói biến hóa. Thứ 3 “hàm dung không hữu” chính là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới” mà chúng ta hay nói -hàm dung không hữu. Đây là lời kinh theo ngôn ngữ hiện đại, trong kinh giảng về vật lý học, giảng về khoa học. Đây là gì? Đây là nhận thức, nhận biết. Thực sự hiểu chân tướng sự thật, thì quý vị sẽ không khởi tâm động niệm dù với hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên. Đương nhiên quý vị không hề phân biệt

chấp trước, tiến vào cảnh giới của Phật rồi. Cảnh giới của chư Phật là như thế thôi. Khi nhận thức rõ thì sẽ buông xả được. Nhận thức rõ thì sẽ nhìn thấu suốt như lời Chương Gia đại sư nói. Nhìn thấu rồi quý vị mới có thể buông bỏ. Buông bỏ sẽ giúp quý vị nhìn thấu suốt sâu hơn 1 bậc, và quý vị lại có thể buông bỏ thêm 1 bậc. Năm xưa Chương Gia đại sư bảo tôi: Phật pháp từ sơ phát tâm đến Như Lai Địa chính là phương pháp này. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau để thành tựu. Nhìn thấu giúp dễ buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu suốt. Từ mới phát tâm đến Như Lai địa, Phật pháp đơn giản và dễ dàng như thế. Nhưng cửa ải đầu tiên là phải nhìn thấu suốt được thân này không phải là ta. Đây là chặng khó khăn nhất. Vì không nhìn thấu suốt, quý vị chấp trước vào thân này, thì tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn đều sẽ từ đó mà ra. Quý vị có thấy uổng cho mình chưa? Chỉ vì nhìn lệch lạc tạo thành sai lầm lớn, gây ra vô lượng vô biên tội nghiệp, biến hiện ra 6 nẻo luân hồi. Luân hồi là giả tạm. Luân hồi do nguyên nhân nào sinh ra? Chính do nguyên nhân này. Nếu quý vị thật sự nhìn thấu buông bỏ thì luân hồi không còn nữa. Chẳng những không còn luân hồi mà cả mười pháp giới cũng chẳng còn. Học hỏi kinh điển đại thừa bao năm qua ta biết, chẳng những không có mười pháp giới, mà cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật cũng là giả tạm, không có thật. Nó từ đâu mà có? Từ tập khí vô minh mà có. Tập khí vô minh dứt đoạn rồi, thì cõi thật báo cũng không còn. Chỉ có một thứ là thật, cõi thường tịch quang là có thật. Cõi thường tịch quang là gì? Chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, thứ này có thật, không sinh chẳng diệt, vĩnh hằng bất biến. Nó không có hiện tượng, nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, cũng chẳng phải hiện tượng tinh thần, chẳng phải hiện tượng tự nhiên. Cho nên khoa học và triết học không thể nào biết được. Chỉ có 1 phương pháp như Phật nói là: duy chứng phương tri. Quý vị chứng đắc rồi thì sẽ rõ, sẽ hiểu. Chứng đắc cách nào? Không khởi tâm, không động niệm thì sẽ chứng được. Đây là cảnh giới cao nhất, cứu cánh viên mãn mà người Ấn gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đến cảnh giới đó thì không phân biệt tâm này hay cảnh này nữa. “*Cảnh trí nhất như, tuyệt chư trần cấu*”. Trần cấu là từ chỉ phiền não. Tất cả phiền não đều chấm dứt, không khởi tâm không động niệm, “*cố vân: duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc*”. Cảm thọ này ta không tài nào tưởng tượng ra được. Vì hễ chúng ta nghĩ thì sẽ rơi vào ý thức thứ 6, rơi vào phân biệt chấp trước. Quý vị phải không phân biệt, không chấp trước quý vị mới có thể cảm nhận niềm vui này. Cho nên đọc trong kinh Phật về niềm vui nhưng chúng ta chẳng thể lý giải nổi. Vui như thế nào, không hiểu được. “*Như Xưng Tán tịnh độ Kinh viết: duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc*”. Ý câu đó hoàn toàn tương đồng ở đây.

Ta xem đoạn thứ 2 “sinh chứng Cực Lạc”. Sinh này tức là vãng sanh. Hễ vãng sinh thì quý vị chứng được “duy thọ thanh tịnh tối thượng hỷ lạc”. Vãng sanh thì quý vị chứng được. Chúng ta xem kinh văn.

Nhược hữu thiện nam tử, Thiện nữ nhân, Nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ u, chánh định chi tu, quyết định chứng u A nậu đa la Tam miệu tam bồ đề. Hà dĩ cố? Nhược tà định tu, cập bất định tu, bất năng liễu tri, kiến lập bỉ nhân cố.

Niệm Lão chú giải: “Hữu văn”. Hơn hai dòng kinh văn bên phải này. “*Nãi Di Đà đệ nhị thập cửu*”. Nguyên thứ 29 trong 48 nguyện, *trụ chánh định tu nguyện, cùng nguyện thứ 12 thành tựu định thành chánh giác nguyện*. Hoàng Niệm Lão gợi ý với ta câu kinh này vì hết sức quan trọng. Cũng có thể nói đoạn kinh văn ở trên, nói rất rõ “Nhược hữu”, chữ “nhược” là giả thiết. Giả thiết có “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Đây là điều kiện căn bản. Nói cách khác thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, giới thiệu thế giới Cực Lạc tây phương. Ngài nói với ai? Với hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân. Vì sao vậy? Vì họ nghe xong sẽ tương ưng ngay. Tâm sẽ được thanh tịnh, sẽ được hỷ lạc. Thiện ở đây là có thiện căn, có phước đức. Đủ nhân duyên thiện căn phước đức thì là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Cách giảng thông thường là gồm đủ 10 thiện nghiệp. Nhưng ở đây khác, lời giảng ở đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên, 3 điều kiện đều gồm đủ. Vì sao vậy? Vì quyết định người ấy được vãng sanh. “Nhược dĩ sanh” đã vãng sanh về thế giới Cực Lạc rồi. “Nhược đương sanh”, đương sanh chính là vẫn chưa về Cực Lạc, nhưng đã được quyết định sanh về đó. Tại sao biết người đó được quyết định vãng sanh? Vì họ đã đủ điều kiện để vãng sanh. Cho nên đây là 2 nguyện của Đức Phật A Di Đà đặc biệt gia trì cho người đó. Người ấy trụ chánh định tu, định thành chánh giác.

Ở đoạn sau có nói về chánh định tu này, chẳng phải tà định tu, không phải bất định tu. “Chánh định tu” là gì? Tâm dừng ở câu danh hiệu Phật. Người đó định vào trong danh hiệu Phật A Di Đà. Tôi thường nêu ví dụ về thiền sư Trung Phong. Trong “Tam Thời Hệ Niệm” thiền sư Trung Phong nói: “tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta”. Tâm quý vị định vào Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì chẳng còn ý nghĩ nào khác. Đây gọi là trụ chánh định tu. Công đức này chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nói câu không thể nghĩ bàn, người thật sự hiểu được chẳng nhiều. Vì sao không thể hiểu được? Vì quý vị không hiểu về cảnh giới này. Một người phàm phu tiếp nhận lời giáo huấn của Đức Phật xong, y theo giáo pháp mà tu hành, quyết định sẽ thành Phật trong đời

này, có phi thường không? Thành tựu của lời nguyện thứ 29 và 12 của Phật A Di Đà, đã thể hiện ở thế giới Cực Lạc. Không phải nguyện suông mà thành tựu thật. Thật là cái bia cho tất cả bốn hoài của Phật A Di Đà. Bia là vòng tròn màu đỏ dùng để tập bắn tên, bắn trúng rồi, điểm hồng tâm đó chính là toàn bộ bốn hoài của Phật Di Đà. Hoài là gì? Là nguyện vọng của Ngài. Phật A Di Đà mong tất cả chúng sanh đến được thế giới Cực Lạc, viên mãn thành Phật. Ngài chẳng có nguyện vọng nào khác, chỉ có ước nguyện này thôi. 48 nguyện chính là ước nguyện này. *“Vô lượng diệu hạnh chi thánh quả”*. Nguyện ở trước dẫn dắt chúng ta, nguyện phải hành mới có thể làm tròn được ước nguyện. Quý vị có nguyện mà không hành, thì nguyện đó là giả, không phải thật. Ở trên chúng ta đã học: Vô lượng diệu hạnh. Phật A Di Đà ở nhân địa dùng thời gian 5 kiếp, khá là lâu. 1 kiếp là 1 lần thế giới thành trụ hoại không, đây là một đại kiếp, 5 đại kiếp. Ngài tu gì? Ngài tu 48 đại nguyện. Nguyện nguyện đều tu thành công, nguyện nguyện đều viên mãn. Cho nên thế giới Cực Lạc hiện nay là hiện tượng tự nhiên sinh ra. Quyết định không có khởi tâm động niệm. Dù là y báo trang nghiêm hay chánh báo trang nghiêm cũng không có khởi tâm động niệm, rất tự nhiên. Tự nhiên vì sao không giống nhau? Cung điện cư ngụ có lớn, có nhỏ, có ở trên đất, có ở giữa trời. Theo tôi thì hình dạng cũng chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì tập khí trong đời quá khứ của mỗi người, họ đã nuôi dưỡng thói quen này. Trước kia có yêu thích, giờ yêu thích chẳng còn, vì khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước đã đoạn rồi. Không còn là yêu thích nhưng là thói quen. Có người thích tu hành trong hang núi. Đến thế giới Cực Lạc thì nhất định là hang núi, núi báu. Người đó sẽ tu trong sơn động. Kẻ thích ở lều tranh đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy lều tranh, nhưng chỗ tranh nơi ấy đều là châu báu thất bảo. Tập quán thôi! Có kẻ thích ngụ trong nhà to, người thích ở căn phòng nhỏ. Nơi cư ngụ hoàn toàn tùy theo thói quen, chẳng phải do tưởng tượng. Nếu quý vị bảo người đó tưởng tượng ra thì quý vị lầm rồi. Vậy thì người đó là phạm phu rồi, không phải tưởng tượng đâu. Tự nhiên mà thành đó.

“Trí bi phương tiện chi cực tấc”. Trí huệ, bi tâm. Bi tâm là thương xót tất cả chúng sanh vẫn chưa giác ngộ, vẫn còn tạo nghiệp nơi đó, tạo nghiệp thì sẽ có quả báo. Cho nên Phật A Di Đà xây dựng thế giới tây phương Cực Lạc là phương tiện, dùng phương tiện để phổ độ chúng sanh. Phương tiện này đến cực tấc, đến cực xứ, viên mãn đến cực xứ, đẹp tốt đến cực xứ, hiệu quả càng không thể nghĩ bàn.

“Độ sanh đại nguyện chi cứu cánh”. Thật sự đã giúp quý vị được viên mãn thành tựu chỉ trong một đời, giúp quý vị quay về với tự tánh. Quý vị thấy có phi thường không? Không quay về với tự tánh có nghĩa quý vị đang lang thang ở bên

ngoài, vẫn chưa về nhà. Quê nhà của quý vị ở đâu? Cõi thường tịch quang chính là chốn quê nhà. Các vị phải nhớ thường tịch quang chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quay về với tự tánh viên minh thể chính là quay về nhà. Đây mới gọi là công đức viên mãn.

Trong kinh vẫn có chánh định, tà định cùng bất định - ba tụ. Ba dạng lớn này. Tụ là loại tụ. Nói về 3 tụ, 3 tụ này thường gặp trong Tiểu Thừa cùng kinh luận đại thừa. Đây là điều Phật thường giảng. Cho nên người học Phật pháp quen thuộc với 3 tụ này. “Đản nội dung sai dị thậm đại”. Điều này là thật không phải giả. Phật thường dùng danh từ này, giảng với từng hạng người ý tứ sẽ cạn sâu, rộng hẹp khác nhau. Tiểu Thừa như “Câu Xá Luận” nói: “*các bậc thánh từ sơ quả và trên nữa đều là chánh định tụ*”. Sơ quả trở lên là từ sơ quả đến A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, bốn quả vị. Bốn quả đó đều là chánh định.

Đối với Tiểu Thừa, thì phàm phu “*tạo ngũ vô gián nghiệp giả*”, đây là tà định. Ngoài ra thì giữa chánh định và tà định gọi là bất định. Bất định, hoàn toàn trông vào nhân duyên của người đó. Người đó gần gũi thiện duyên, sẽ được chánh định. Nếu gần gũi ác duyên sẽ biến thành tà định.

Trong xã hội hiện nay thì duyên là gì? Duyên là giáo dục của xã hội. Ta có thể nói giáo dục gia đình, giáo dục trường lớp, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo đều là duyên. Quý vị nhận được loại giáo dục nào, thì quý vị sẽ thành như thế. Hiện nay giáo dục bị mọi người lơ là xem nhẹ hết sức phổ biến, trong lòng mọi người chỉ có tiền, chẳng còn gì khác. Quý vị xem có quá tệ hại không? Chỉ mong phát tài, phát nổi không? Nếu chỉ mong phát tài mà phát được, thì tôi nói với các vị, Phật và Bồ Tát đều phải theo quý vị học đây. Vì ngài cũng muốn phát tài, và thánh hiền, chánh nhân quân tử đều theo quý vị hết. Vì sao ngài không theo quý vị học? Vì ngài đã hiểu được chân tướng sự thật, thứ này không cầu mong được. Trong 8 cái khổ thì có khổ vì mong cầu mà không được. Chẳng phải hễ quý vị mong thì sẽ có đâu, cầu bất đắc mà! Vậy bạn sẽ được gì? Số phận quý vị có thì tự nhiên sẽ có, số không có cầu mấy cũng không đến. Việc này không hề giả dối. Xưa kia người đọc sách thánh hiền đều biết đạo lý này, cho nên họ chẳng mong cầu. Không Tử rõ đạo lý này, đời ông khá vất vả vì không hề giàu có. Thậm chí ông cũng không thuộc hạng dư ăn dư mặc. Ông sống cuộc sống của dân thường. Trong số học sinh của ông thì Nhan Hồi khó khăn nhất, thiếu đến cả cái bát để ăn, phải lấy tre bện giỏ đựng cơm, dùng quả bầu hồ lô làm ly đựng nước uống. Sống như vậy nhưng Nhan Hồi rất vui, lúc nào cũng tươi cười, chưa bao giờ tỏ thái độ buồn rầu, bực bội. Vì sao thế? Vì ông biết về luật nhân quả. Ông biết nguyên lý bên trong nên ông thuộc dạng chánh định tụ,

chẳng phải tà định. Người thường thì khi khổ sở vậy sẽ không chịu nổi, sẽ nghĩ ngợi lung tung, mưu việc hại người để kiếm lợi cho mình, tìm mọi cách trộm cướp của người khác để thỏa mãn dục vọng, vậy là tạo tội nghiệp, thuộc dạng tà định tụ. Khi tạo tội nghiệp thì những gì quý vị kiếm được cũng chỉ là trong số phận đã giành cho quý vị, nếu số không có thì tạo tội cỡ nào cũng chẳng có được. Quý vị có thấy uổng cho mình không? Thế nên quý vị thấy giáo dục về nhân quả hết sức quan trọng!

Phật pháp quả là thù thắng. Phần lớn xã hội đều biết “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Quý vị mong phát tài, có ứng nghiệm không? Ứng. Số quý vị không giàu, quý vị cầu Phật, Phật sẽ dạy quý vị cách phát tài. Việc đó có thật, không phải giả. Số quý vị chẳng có trí huệ, không được khôn ngoan. Phật sẽ mở trí giúp quý vị. Số quý vị không thọ, Phật có thể giúp cho quý vị được trường thọ. Có cầu tức sẽ ứng. Cứ đứng trước Phật mà kêu cầu thì vô ích, sẽ không linh. Quý vị phải học kinh điển. Trong kinh có dạy quý vị cách làm ra tiền. Phương pháp như thế nào? Chính là bố thí tiền. Người kia giàu nứt đố đổ vách, do đời đời kiếp kiếp hay bố thí tiền tài, mới có của cải nhiều như thế. Chẳng cần phải lừa đảo dối gạt ai, chỉ cần vui vẻ bố thí thì sẽ được như thế. Còn nhân của việc thông minh trí huệ là bố thí pháp. Khỏe mạnh sống lâu do nhân bố thí vô úy.

Lúc tôi còn trẻ thì gia cảnh đã khó khăn từ bé. Thuở nhỏ tôi không biết và cũng chẳng ai nói. Thực ra những năm gần đây đọc gia phả mới hay gia đạo nhà tôi đã suy lúc cha tôi chào đời. Vốn là một gia tộc lớn mà suy sụp phải bán hết tài sản. Cha tôi cũng không sở hữu được gì. Những kẻ có quyền có thế đã lấy hết. Nên cuộc sống của gia đình hết sức khó khăn, cha tôi phải làm thuê kiếm sống. Chúng tôi không có đất, chẳng có nhà, cả đời đi ở trọ. Khi Đảng Cộng Sản lên cầm quyền giải phóng đất nước, thì tôi ở nước ngoài, không ngờ chúng tôi phù hợp điều lệ của Đảng là giai cấp vô sản. Được đãi ngộ đặc biệt. Chúng tôi không có đất đã được chia đất cho. Không có nhà thì đã được phân nhà. Và cậu em trai còn được nuôi ăn học, cho đến khi tốt nghiệp đại học, đại học Phúc Đán. Sau khi tốt nghiệp cậu ấy đã ở lại giảng dạy. Đảng có ơn với tôi. Ở nước ngoài quả thật tôi nghèo rỗng túi. Tôi gặp mấy vị thầy giỏi, họ đều là những người xuất sắc. Chính là nhờ tác dụng của một ít thành kính mà mẹ dạy chúng tôi khi bé. Vì tôi chẳng hề quen biết thầy, chỉ viết một lá thư tự giới thiệu, mong thầy cho phép được ngồi dự thính, chứ không tham vọng xa xôi, do tôi chẳng có tiền đóng học phí. Chỉ muốn được nghe thầy giảng. Người đầu tiên là thầy Phương Đông Mỹ đã đưa tôi đến với đạo Phật, giúp tôi hiểu trong Phật pháp có vô vàn tri thức, không hề mê tín dị đoan. Tôi như người sực tỉnh giấc mơ, sau đó thân cận đại sư Chương Gia - một vị cao nhân có đạo hạnh. Khi biết đại sư tôi 26

tuổi, còn ông đã 65. Thuộc hàng ông. Chắc đại sư nhìn ra số tôi nghèo khổ bần tiện. Bần là không có tài sản, tiện là không có địa vị. Hết mức của bần tiện sẽ là số ăn mày. Vì nguyên nhân gì? Vì quá khứ không tu bố thí tiền bạc, không tu bố thí vô úy. Nói cách khác không những số bần tiện mà còn chết yểu. Nên đại sư đã dạy tôi dù không nói rõ ra. Mãi sau này tôi mới hiểu hết. Đại sư dạy tôi tu bố thí. Tôi thưa với ngài: con không có tiền. Tiền công mỗi tháng rất ít, chỉ đủ cho sinh hoạt, còn đâu mà bố thí? Đại sư hỏi lại: thế một xu con có không? Một xu thì có. Thế còn một đồng? Một đồng thì ráng cũng được. Vậy con chỉ cần bố thí từ 1 xu 1 đồng, để nuôi thành thói quen bố thí, để cho đầu con luôn nghĩ về bố thí. Đại sư đã dạy tôi làm như thế. Và tôi đã ngoan ngoãn nghe theo. Quả nhiên sau 3 năm, cuộc đời tôi đã thay đổi, càng lúc càng tốt hơn, tôi càng bố thí nhiều hơn. Bố thí pháp thì thầy Lý đã dạy tôi. Thầy bảo tôi phát tâm đi giảng kinh, dạy giáo lý Phật. Đây là bố thí pháp. Sau này tôi đã hiểu. Tôi đã bố thí thuốc men trong bệnh viện không hề gián đoạn suốt 60 năm qua. Đây là gì? Đây thuộc về bố thí vô úy. Quả báo của hành động này là khỏe mạnh sống lâu. Còn thập phương cúng dường thì tôi hoàn toàn học theo đại sư Ấn Quang, đem bố thí hết. Cả cuộc đời, tôi chẳng hề xây đạo tràng, đại sư Ấn Quang dạy chúng ta: dốc tâm dốc sức tu bố thí pháp, ấn tống kinh sách.

Lần đầu tôi giảng kinh ở Hồng Kông là vào năm 1977. Giảng kinh Lăng Nghiêm. Hồng Kông lúc đó chưa có đường hầm, chẳng có đường cao tốc. Phải đi phà từ Hồng Kông sang Cửu Long. Lúc đó ở Hồng Kông tòa nhà cao nhất có 50 tầng. Cửa sổ hình tròn, thiết kế rất phong cách, thú vị. Nhà cửa khác thì thường xây mười mấy tầng. Hơn 30 năm sau không còn như vậy nữa, Hồng Kông đã hoàn toàn thay đổi. Trong ký ức của tôi vẫn còn ấn tượng rất sâu sắc.

Tôi học Phật và đã nhận được hiệu quả, nên hết sức biết ơn thầy. Vật chất sinh hoạt không thiếu. Thông minh trí huệ thì quả mỗi năm mỗi khác. Mọi người nghe tôi giảng kinh đều rõ, những lời tôi giảng mỗi năm đều khác, cảnh giới luôn được nâng cao. Năm 45 tuổi, tôi bị ốm, hơn tháng sau thì khỏi. Khỏe rồi tôi lại tiếp tục giảng kinh. Cả đời chưa từng ốm nặng, chưa từng phải nằm bệnh viện. Bệnh viện chẳng hề có hồ sơ bệnh án của tôi. Chính Chương Gia đại sư đã dạy tôi đó. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Tôi chẳng cầu kéo dài thọ mạng, cũng chẳng xin được khỏe mạnh sống lâu. Tôi chỉ cầu ít phiền não, trí huệ tăng trưởng. Chỉ cầu vậy thôi, những thứ khác chẳng cần. Rõ ràng trong cửa Phật cầu thành Phật cũng thực hiện được. Thì chuyện dư ăn dư mặc ở thế gian chỉ là chuyện vặt, làm gì có chuyện không làm được, quá dễ dàng. Chỉ cần quý vị chịu y theo Phật pháp, chắc chắn sẽ có hiệu quả. Và nhiều nhất là 3 năm, số phận của quý vị sẽ thay đổi. Đây là phương pháp cải tạo vận mệnh.

Sau này tôi đọc được quyển Liễu Phàm Tứ Huấn, trong đó Viên Liễu Phàm tiên sinh càng là một tấm gương, một điển hình tiêu biểu. Quý vị xem ông ấy đã làm cách nào thay đổi số phận của mình. Thiền sư Vân Cốc đã dạy ông ấy, cũng ba cách bố thí này. Tuổi thọ ông ấy chỉ đến 53 tuổi, mà ông ấy sống đến 74, kéo dài tuổi thọ 21 năm. Công danh chỉ đến đậu tú tài, trong số mạng đâu có cử nhân, chẳng hề là tiến sĩ. Ông dứt ác tu thiện, sửa lỗi, tự làm mới mình. Sau đó ông đi thi thì đậu cử nhân, rồi đậu luôn tiến sĩ. Số ông chẳng có con, ông thật lòng mong con trai. Ông đã sinh được một đứa con rất tuyệt vời. Kế thừa gia đạo, học vấn, gia nghiệp của ông. Thế nên số phận là do chính mình tạo ra, mình có thể thay đổi số phận của mình. Việc ai khác cải số của quý vị là giả dối, không có thật đâu. Phải do chính quý vị chịu dứt ác tu thiện, cải tà quy chánh, thì quý vị mới được mọi điều như ý. Không những ta có thể thay đổi số phận chính ta, mà còn có thể sửa đổi vận hạn của gia đình, vận hạn của đất nước, thay đổi được số phận của cả thế giới. Trong kinh điển Đại Thừa Phật pháp có nói rất rõ.

Ý nghĩa của tam tụ trong Tiểu Thừa chúng ta đã hiểu. Còn nghĩa của tam tụ trong Đại Thừa phức tạp đa dạng. Niệm Lão đưa kinh luận ra cho ta biết:

Thứ nhất “Trí Độ Luận Tứ Thập Ngũ”, quyển thứ 45. Đại Trí Độ Luận 100 quyển. *Nhất giả chánh định tụ tất nhập niết bàn.* Đây gọi là chánh định tụ. “*Nhị giả tà định tất nhập ác đạo*”. Ác đạo đây là chỉ địa ngục “*Tam giả bất định*”. Ý tứ hoàn toàn khác với Tiểu Thừa. Niệm Phật cầu sanh về tịnh độ là chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì tất nhập niết bàn. Tạo tác ác nghiệp, phi báng thánh hiền là tà định tụ, tất vào ác đạo. Ba là bất định, đây chính là từ cõi người đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đều là bất định tụ. Rộng hơn phạm vi của Tiểu Thừa nhiều.

Đệ nhị, Thích Ma Ha Diễn Luận vân: hữu kỳ tam chủng. Nhất giả, thập tín tiền, danh tà định tụ, bất tín nghiệp quả báo cố. “Thích Ma Ha Diễn Luận” là đại thừa. Trong luận nói về Biệt giáo của đại thừa, không phải Viên giáo, không giống lời giảng trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là Bồ Tát của Biệt giáo. Cho nên trước thập tín là tà định tụ, người này chẳng tin có nghiệp quả báo. Nhân thiện quả thiện, nhân ác ác báo.

Tam hiền, tứ trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập thánh, thập địa, gọi là chánh định tụ. Bất thối vị cố.

Tam hiền vị ở Biệt giáo đều là thập tín trong Viên giáo. Trong thập tín tên bất định tụ, hoặc tiến hoặc thoái, tiến tiến lùi lùi, cho nên “vị quyết định cố”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có giảng cảnh giới y như cảnh giới này.

“*Nhị giả*” là dạng thứ 2. *Thập tín tiền tịnh thập tín, danh tà định. Đại giác quả, danh chánh định. Tam hiền thập thánh, danh bất định.* Đại giác quả là quả vị Phật. Vậy trước thập tín, thập tín vị đều gọi là tà định. Tất cả đều giảng về Biệt giáo, chẳng phải Viên giáo. Đại giác là thành Phật, đây mới gọi là chánh định. Tam hiền thập thánh đều là bất định. Đây là cách giảng thứ hai.

Tam giả, thập tín tiền, danh tà định. Thập thánh, danh chánh định. Thập tín tam hiền, danh bất định. Chư thuyết bất đồng. Đây đều là chư vị tổ sư đại với tam tụ trong kinh Phật đã có những giải thích khác nhau.

Tiểu Thừa cho sơ quả và những quả vị trên nữa là chánh định. Đại thừa hoặc đã tất nhập niết bàn, hoặc đã trên tam hiền, hoặc đã trên thập địa, hoặc duy đã đại giác Phật quả là chánh định.

Trong câu này ý tứ sâu cạn khác nhau. Có chỗ giảng sâu, chỗ giảng cạn. Ta xem bản kinh “*chí u kim kinh sở vân*”. Hiện giờ ta xem trong kinh nói đến “*bỉ độ chúng sinh giai trụ chánh định tụ*”. Bỉ độ là thế giới Cực Lạc. Phạm những ai vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều là chánh định tụ. “*Tịnh Anh vân*”- Tịnh Anh đại sư là người thời Tùy. Hiệu của pháp sư cũng là Huệ Viễn, đồng danh với sơ tổ, tên hoàn toàn giống nhau. Nên trong lịch sử gọi thầy là Tiểu Huệ Viễn, thầy là người đời nhà Tùy. Còn sơ tổ Huệ Viễn đại sư của chúng ta là người đời Tấn. Nhà Đông Tấn. Còn đây đời Tùy nên gọi là Tiểu Huệ Viễn. Ngôi chùa ngài ngụ tên Tịnh Anh Tự. Cho nên dùng tên chùa tôn xưng ngài, không gọi thẳng pháp hiệu. Đây là cách xưng hô trân trọng nhất.

Vị phân bất thối, danh vi chánh định. Mạc vấn đại thừa Tiểu Thừa chúng sanh, sanh bỉ quốc giả giai trụ chánh định. Cách nói này rất hay. Quý vị đừng hỏi thầy đại thừa Tiểu Thừa vẫn là chúng sanh, đừng hỏi như thế. Đã sanh đến thế giới Cực Lạc tây phương thì đều là chánh định. Vì sao vậy? Vì không thối chuyển nữa. Quý vị xem nguyện thứ 20 trong 48 đại nguyện. Những người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc “*để làm Bồ Tát A Duy Việt Trí*” A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán là Bất thối chuyển. Vĩnh viễn không thối chuyển nữa, và là ba thứ bất thối chuyển: Vị bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối. Điều này không dễ đâu, quá hiếm có. Cho nên đều trụ chánh định. “*Vọng tây đồng chi*”. Vọng Tây pháp sư giải thích tương đồng với đây. *Tịnh vân: nhất thiết thiện ác phạm phu, thừa Phật nguyện lực, sanh bỉ quốc giả, xư bất thối cố, thị danh chánh định.* Chỗ này chúng ta phải lưu ý đặc biệt. Tất cả phạm phu dù thiện hay ác là nói người trong xã hội chúng ta hiện nay, dù tâm thiện, hành thiện hoặc là tâm ác, hành ác. Kẻ ác chỉ cần biết sám hối, biết sửa lỗi, chỉ cần thật lòng tin tưởng đều được vãng sanh. Pháp môn tịnh tông quá rộng lớn. Phạm

tội ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung sám hối, từ 1 niệm đến 10 niệm sẽ được vãng sanh. Đây là nguyện thứ 18 trong bản nguyện của Phật A Di Đà. Điều này có lý không? Hợp lý. Người dù ác mấy nhưng hề biết quay đầu lại thì trở thành người thiện. Ngạn ngữ xưa thường nói: “Lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Kẻ ác khi biết quay lại thì trở thành người tốt thật sự. Chỉ cần anh ta thật lòng quay lại, sửa lỗi thì anh ta có tư cách trở thành 1 vị Phật. Cho nên chúng ta không được coi thường kẻ ác, vì không chừng anh ta thành Phật trước cả chúng ta. Vì chuyện này có thể xảy ra. Ta mà khinh mạn thì có tội, thì là sai lầm. Phải nên giúp những người này quay lại, giúp họ sự tỉnh mới phải.

Hựu cảnh hưng vân, nhược sinh tịnh thổ, bất vấn phàm thánh, định hướng niết bàn, định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo, định hành lục độ, định đắc giải thoát, cố duy hữu chánh định tu, nhi vô dư nhị dã.

Bất định này và tà định chắc chắn không có. Lời giảng khẳng định như thế. “Bất vấn phàm thánh”. Phạm phu niệm Phật vãng sanh về tịnh độ, chỉ 1 đời quyết định sẽ thành Phật. Chỉ cần sanh về tịnh độ thì chẳng ai không thành Phật cả. Đó đương nhiên là chánh định tụ. Cho nên định hướng Niết Bàn, Niết Bàn chính là thành Phật. “Định thú thiện hạnh”. Khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc ngày ngày được thân cận Phật A Di Đà, ngày nào cũng được nghe Phật giảng kinh không dứt. Sanh về thế giới tây phương, cách dạy ở thế giới Cực Lạc dùng phép nghe làm đệ nhất pháp môn. Phật A Di Đà ngày nào cũng không ngớt giảng kinh. Ta phải biết người ở Cực Lạc không có thân máu thịt. Thân máu thịt mới cần ngũ cốc, các loại lương thực nuôi dưỡng nó. Người ở Cực Lạc có pháp tánh thân, mặt đất nơi họ cư ngụ là cõi pháp tánh, nên họ chẳng cần ăn uống, ngủ nghỉ, tinh thần họ luôn sung mãn, nghe pháp không gián đoạn. Cổ nhân nói “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Tu không ngừng nghỉ thì người đó sẽ tiến bộ nhanh cỡ nào. Chuyên tu ở chỗ Phật A Di Đà, tham vấn học hỏi nơi 10 phương chư Phật, học rộng nghe nhiều, thâm nhập 1 pháp môn, cùng lúc tiến hành 2 việc đó. Nhất môn thâm nhập chỗ Phật A Di Đà, ngày nào cũng đi lay Phật, thăm viếng 10 phương Phật, cúng dường 10 phương Phật là tu phước, nghe 10 phương chư Phật thuyết pháp là mở trí huệ, là hậu đắc trí, là quảng học đa văn. Người đó cùng lúc tiến hành 2 việc này. Đây là chuyện ta hết sức mong mỏi mà không được, nhưng ở thế giới Cực Lạc điều không thể đã biến hết thành có thể. Ta có thể không mơ đến nơi này sao? Quý vị hãy cố hiểu cho rõ. Không thể không đến đó! Tôi có thể buông bỏ mọi thứ vì tôi quyết đến Cực Lạc. Đến đó làm gì? Đến đó để thành Phật. Thành Phật để làm gì? Thành Phật mới có thể phổ độ chúng sanh. Chưa là Phật sao quý vị có thể độ được người khác? Cho nên “định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo”. Bất luận người ấy thị hiện ở đâu thì

đều là thiện đạo. Định hành lục độ. Dùng cách gì giáo hóa chúng sanh? Dùng Ba La Mật. Lục Ba La Mật phải từ nơi mình. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, bát nhã được, thì mọi người mới tin, mới chịu nghe quý vị. “Định đặc giải thoát”. Giải thoát là tự tại lớn. Giải khi là động từ có nghĩa là cởi ra. Cởi bỏ gì? Phiền não tập khí. Thoát là gì? Thoát ly sinh tử luân hồi, không chỉ thoát ly lục đạo mà còn thoát ly cả 10 pháp giới. “Cố duy hữu chánh định tu”. Họ đều không có tà định tu cùng bất định tu. Tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc đều là chánh định tu. Trong Hội Sơ nói cũng tương đồng ở đây.

Lại trong Chân Giải thì ý tôn của Thiện Đạo đại sư. Tôn là căn cứ, y cứ lời giải thích của Thiện Đạo đại sư. Thích Ma Ha Diễn Luận gọi chánh định tu là quả vị Phật cho đến thập địa tam hiền đều là chánh định tu. tịnh độ chánh định tu diệc nhiên. Chánh định tu trong pháp môn tịnh độ nói tương đồng với ý ở đây. Hoặc hiện thập địa tam hiền đẳng kỳ thể tất chí diệt độ, đản thị nhất niết bàn chi thị hiện sai biệt nhĩ. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa rất nhiều ở thế gian, chuyện này là thật, không hề giả dối. Trong Đại Tạng Kinh có Thần Tăng Truyện, có Cư Sĩ Truyện. Những người xuất gia hay cư sĩ tại gia có thần thông này, đều là cổ Phật tái sanh, Bồ Tát, A La Hán tái sanh. Các ngài đến thế gian này, khi cần hiện thân gì để độ thì sẽ hiện thân ấy. Như những gì Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở thế gian này là một vai trò, không phải thật. Ngài diễn rất thật. Trong Kinh Phạm Võng chính Ngài đã nói, lần này cũng là 3000 năm trước thị hiện ở Ấn với thân phận Phật. Ngài nói đây là lần thứ 8000 Ngài thị hiện đến thế gian. Thường đến thế gian thì y như lên sân khấu biểu diễn. Lần thứ 8000. Từ kiếp lâu xa Ngài đã là Phật rồi. Chúng sanh nơi này có cảm thì Ngài đến. Cần hiện thân Phật để độ thì Ngài hiện thân Phật.

Chúng ta lại xem Huệ Năng đại sư thời Đường, ở Tân Hưng Quảng Đông rất gần nơi này. Thị hiện của Huệ Năng đại sư chẳng khác với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây bồ đề đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Huệ Năng đại sư thì được nghe giảng Kinh Kim Cang trong phòng phượng trượng mà khai ngộ, cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngộ này cũng bình đẳng với Phật Thích Ca, không hề sai biệt. Ở Trung Quốc thì Lục Tổ thấy cần hiện thân Tỳ kheo độ, ngài liền hiện thân Tỳ kheo mà thuyết pháp.

Bồ Tát Quán Thế Âm có 32 ứng. Không phải theo ý Ngài để ứng thân mà theo ý chúng sanh. Dùng thân thế nào hợp với ý chúng sanh thì Ngài sẽ thị hiện thân đó. Bản địa cao sâu khó lường, ta không biết được, chúng ta chỉ nhìn thấy dấu vết của Ngài để lại.

Cho nên Bồ Tát hoặc hiện thập địa, hoặc hiện tam hiền, “kỳ thể tất chí diệt độ”. Thân của Phật Thích Ca Mâu Ni nhất định phải diệt độ. Thân của Huệ Năng đại sư cũng diệt độ rồi, Ngài còn lưu lại 1 nhục thân. Phật Thích Ca Mâu Ni thì lưu xá lợi. Lục Tổ Năng đại sư lưu nhục thân. “Đản thị nhất niết bàn giới”. Tóm lại 1 câu đều là “thị hiện sai biệt nhĩ” của Niết Bàn giới. Niết Bàn giới là minh tâm kiến tánh, bất sanh bất diệt. “Ước nhất pháp cú”. Nếu phải nói bằng 1 câu pháp, thì 1 câu trong Vãng Sanh Luận, “tắc thập địa” thập địa Bồ Tát, “tam hiền bồ tát đương tương tức thị”. Tức là gì? “Chân thực trí huệ vô vi pháp thân dã”. Pháp thân Bồ Tát đến thị hiện, thì sao không phải pháp thân? Nhục thân thị hiện của Ngài chính là pháp thân. Chúng ta không biết nhưng Ngài biết. Đây có 1 ví dụ: tỷ như người này đã có học vị tiến sĩ, là giáo sư dạy ở đại học, ông ta cũng có thể đến trường cấp 3 cấp 2 làm giáo viên đứng lớp, thậm chí có thể làm giáo viên tiểu học. Bất luận ông ta dạy ở trường nào, làm thầy ở cấp bậc nào thì học vị tiến sĩ kia cùng chức danh giáo sư đại học cũng không hề thay đổi. Đây là chân thật trí huệ vô biên pháp thân. Nhưng Ngài hiện tướng khác nhau, hiện tướng có địa vị rất thấp, thật ra Ngài ở trên cao vọi vọi. Đây là sai biệt của thị hiện.

“*Chân giải*” thể hiện ý kinh sâu sắc, nói rất hay! Vì đã hiện thị được nghĩa kinh thậm thâm. “*Cái vị tịnh độ chi chủ bạn giai thị đại thừa*”. Chủ là Phật A Di Đà, bạn là tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc. Từ phạm thánh đồng cư sĩ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm của cõi thật báo trang nghiêm đều là đại thừa. “*Cố giai trụ u chánh định tụ*”. Nhất là nguyện thứ 20 nói rất rõ: mỗi kẻ vãng sanh về Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí là chánh định tụ, là đại thừa. Phạm phu mà được vãng sanh cũng sẽ nhập vào địa vị, cấp bậc này.

Về thị hiện thập địa tam hiền. Kỳ thể tất nhập Niết Bàn, đương tương tức thị pháp thân, cố u giai tất trụ u chánh định chi tụ cú hạ, kiên tiếp quyết định chứng u A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Câu nói theo này là tiếng Phạn dịch sang chữ Hán nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ai chứng đắc? Diệu giác Bồ Tát chứng đắc. Diệu giác là quả vị Phật, đây là quả vị cứu cánh tột cùng. Nói cách khác dưới này tổng kết rất hay: người vãng sanh về đều nhập vào chánh định tụ, đều được quyết định thành Phật, cực hiện đại nguyện không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Tổng thể câu này nói là chỉ cần quý vị vãng sanh về Cực Lạc, nhất định quý vị sẽ thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thành Phật hoàn toàn cùng 1 đẳng cấp với Phật A Di Đà, không hề dưới Phật A Di Đà. Mà cấp bậc của Phật A Di Đà rất cao. Phật Thích Ca Mâu Ni tiêu biểu cho tất cả chư Phật trong 10 phương đã tán thán

Phật A Di Đà là: “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Quý vị thành Phật thì sẽ như Phật A Di Đà, có nghĩa cũng là Phật trung chi vương. Đến đâu mà tìm những lợi lạc này? Chỉ trong kinh Vô Lượng Thọ có thôi, chỉ có ở nơi thế giới Cực Lạc, câu nào cũng là lời chân thật không hề nói láo. Đạo Phật thường nói: “thân người khó được, Pháp Phật khó được nghe”. Dù có nghe pháp Phật, cũng không dễ được nghe giảng về đại thừa. Được nghe giảng về đại thừa cũng không dễ được nghe Kinh Vô Lượng Thọ, đây là pháp môn của tịnh tông. Quý vị thật sự gặp được pháp môn này, đời quý vị sẽ được độ, không phải độ thường, mà là được độ viên mãn, quý vị sẽ thành Phật như Vương Tử A Xà vậy. Vương Tử A Xà nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này xong thì hoan hỉ, phát nguyện sẽ thành Phật như Phật A Di Đà. Hy vọng các quý vị nghe xong cũng sẽ y như Vương Tử A Xà, quyết định 1 đời vãng sanh, 1 đời thành Phật y như Phật A Di Đà.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 381